CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01 /2015/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2015*

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ
ĐẾN Số: 5
Ngày 07/01/2015

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết phạm vi địa bàn hoạt động hải quan; trách nhiệm phối hợp giữa cơ quan hải quan với các cơ quan nhà nước hữu quan, Ủy ban nhân dân các cấp trong công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

2. Cơ quan công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, quản lý thị trường, Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan hữu quan khác có trách nhiệm trong công tác phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa; xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.

Chương II
PHẠM VI CỤ THỂ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Điều 3. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thuỷ nội địa

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, cửa khẩu biên giới đường thuỷ nội địa là các khu vực có ranh giới xác định tại một cửa khẩu được mở trên tuyến đường bộ, đường thuỷ nội địa trong khu vực biên giới đất liền được quy định tại Phụ lục kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu ga đường sắt liên vận quốc tế trong nội địa bao gồm:

1. Khu vực nhà ga sử dụng cho các chuyến tàu liên vận quốc tế đi, đến; nơi hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; sân ga, khu vực kho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

2. Bến bãi và các khu vực sử dụng cho các chuyến tàu hoả liên vận quốc tế đi, đến và thực hiện các dịch vụ vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

3. Những khu vực có các chuyến tàu hoả liên vận quốc tế chưa làm thủ tục hải quan, đang chịu sự giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan.

Điều 5. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không dân dụng quốc tế

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng hàng không có vận chuyển quốc tế là ranh giới cụ thể của cảng hàng không được quy định trong quyết định phê duyệt quy hoạch của Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, bao gồm:

1. Khu vực nhà ga hành khách, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Khu vực cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế.

3. Khu vực xếp dỡ, chuyển tải, khu vực kho bãi chứa hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được vận chuyển qua đường hàng không; kho lưu giữ hàng hoá, hành lý ký gửi, kho lưu giữ hàng hoá, hành lý thất lạc của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh.

4. Khu vực sân đỗ tàu bay.

5. Khu vực chứa và cấp nhiên liệu; khu vực thiết bị phục vụ mặt đất, khu vực sửa chữa, bảo dưỡng máy bay.

6. Đường công vụ.

Điều 6. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng biển, cảng thuỷ nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại cửa khẩu cảng biển, cảng thuỷ nội địa có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh bao gồm:

1. Khu vực ngăn cách tính từ đường ranh giới phía ngoài của vùng nước cảng có hàng hoá ra vào cảng phải chịu sự giám sát hải quan đến ranh giới các cổng cảng, cụ thể gồm các kho bãi, cầu cảng, nhà xưởng, khu hành chính và dịch vụ, vùng nước trước cầu cảng, vùng neo đậu, chuyển tải, vùng tránh bão, vùng nước của nhiều cảng gần kề nhau và luồng quá cảnh.

2. Khu vực đón trả hoa tiêu vào đến cảng và nơi quy định cho tàu, thuyền xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh neo đậu để chờ vào cảng biển, cảng thuỷ nội địa, neo đậu để chuyển tải và các luồng lạch từ các khu vực nói trên vào cảng biển, cảng thuỷ nội địa.

Điều 7. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại bưu điện quốc tế là khu vực thuộc điểm phục vụ bưu chính thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, lưu giữ bưu gửi với nước ngoài theo điều ước quốc tế của Liên minh bưu chính thế giới và các quy định về bưu chính của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8. Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu

Phạm vi cụ thể địa bàn hoạt động hải quan tại các khu vực ngoài cửa khẩu là địa điểm cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan hoặc giám sát hải quan hoặc kiểm soát hải quan hoặc kiểm tra thực tế hàng hoá theo quy định của pháp luật về hải quan, bao gồm:

1. Trụ sở cơ quan hải quan.

2. Các khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu có doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan; khu thương mại tự do, khu chế xuất; trụ sở, kho hàng của doanh nghiệp chế xuất; khu vực ưu đãi hải quan khác; khu vực chuyển phát nhanh hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Khu vực cảng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa được thành lập trong nội địa, địa điểm thu gom hàng lẻ (CFS); kho ngoại quan, kho bảo thuế, kho bãi chứa hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh của các tổ chức vận tải kinh doanh và giao nhận hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh.

4. Các khu vực trên biển, trên sông, trên bộ khi có phương tiện vận tải neo, đậu, di chuyển để vận chuyển hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; hàng hoá, phương tiện vận tải chuyển tải, chuyển cửa khẩu, quá cảnh đang trong quá trình làm thủ tục hải quan và chịu sự kiểm tra, giám sát, kiểm soát của cơ quan hải quan.

5. Trụ sở người khai hải quan khi kiểm tra sau thông quan, bao gồm: Nơi làm việc, nơi sản xuất, nơi cung ứng các dịch vụ, kho bãi, nhà xưởng, nơi lưu giữ, bảo quản, thuê, gửi hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan.

6. Kho chứa hàng miễn thuế, cửa hàng kinh doanh hàng miễn thuế trong nội địa để bán hàng miễn thuế cho hành khách xuất cảnh, nhập cảnh.

7. Khu vực đang tổ chức hội chợ, triển lãm, trưng bày, giới thiệu sản phẩm hàng hoá tạm nhập, tái xuất.

8. Khu vực, địa điểm kiểm tra thực tế hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ sở sản xuất, công trình.

9. Địa điểm kiểm tra tập trung theo quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

10. Khu vực, địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan nước láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ trong lãnh thổ Việt Nam theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

11. Khu vực đang lưu giữ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu chịu sự giám sát hải quan.

12. Nơi có phương tiện vận tải đang vận chuyển hàng hoá chịu sự giám sát, kiểm soát hải quan trên các tuyến đường.

Điều 9. Địa bàn hoạt động hải quan là khu vực, địa điểm khác

Phạm vi địa bàn hoạt động hải quan tại khu vực, địa điểm khác đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, được phép xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải được thành lập theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ là ranh giới các khu vực, địa điểm ghi trong quyết định thành lập của Thủ tướng Chính phủ.

Chương III
TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN, CÁC CƠ QUAN HỮU QUAN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC CẤP TRONG PHÒNG, CHỐNG BUÔN LẬU, VẬN CHUYỂN TRÁI PHÉP HÀNG HOÁ QUA BIÊN GIỚI

Điều 10. Nguyên tắc phối hợp trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

1. Hoạt động phối hợp giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới được thực hiện theo nguyên tắc nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, hiệp đồng hỗ trợ lẫn nhau theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan.

2. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm phối hợp bảo đảm từng lĩnh vực chỉ có một cơ quan quản lý nhà nước chủ trì thực hiện, tránh sơ hở, chồng chéo, đồng thời không cản trở đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước khác.

3. Trong quá trình phối hợp nếu có vướng mắc thì các cơ quan nhà nước liên quan trực tiếp trao đổi, giải quyết trên cơ sở quy định của pháp luật; nếu không thống nhất được thì báo cáo cấp trên trực tiếp của mỗi cơ quan để có biện pháp giải quyết. Trường hợp lãnh đạo các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương liên quan không thống nhất được thì báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 11. Nội dung phối hợp phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hoá qua biên giới

1. Trao đổi, cung cấp thông tin.

2. Tuần tra, kiểm soát, kiểm tra, truy đuổi, dừng phương tiện vận tải.

3. Ngăn chặn, điều tra, xử lý vi phạm.

4. Đào tạo, nâng cao nghiệp vụ.

5. Tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp

1. Khi cơ quan hải quan chủ trì thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của Luật Hải quan: